

LÀNG XÃ NAM BỘ TRONG NGHIÊN CỨU SO SÁNH VỚI LÀNG XÃ BẮC BỘ

ĐỖ DANH HUẤN*

Làng xã ở Việt Nam nói chung và làng xã ở Nam Bộ nói riêng, tiếp cận theo phương pháp hệ thống và cấu trúc, nó bao gồm nhiều yếu tố hợp thành như: kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng... Trong các thành tố như vừa nêu, lại hàm chứa nhiều thành tố nhỏ khác như: nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; các tổ chức xã hội quan phương và phi quan phương (bộ máy chức dịch/chính quyền quản lý làng xã, hương ước, phường hội nghề nghiệp, phe giáp, họ hàng); tiếp đến là lễ hội, sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng ở đình, chùa, tộc họ..., tất cả đều hợp thành một chỉnh thể để tạo nên diện mạo làng xã với bức tranh đa diện. Giữa các thành tố nêu trên, có mối quan hệ khăng khít, tác động qua lại lẫn nhau và cùng tồn tại trong một không gian làng.

Nghiên cứu này không chọn một khía cạnh cụ thể của làng xã Bắc Bộ và Nam Bộ (như kinh tế hay văn hóa, xã hội...) để luận bàn, mà trên cơ sở nhận thức tổng hợp, nhiều chiều cạnh các yếu tố cấu thành làng xã ở hai vùng miền, bài viết bước đầu khái quát và nêu lên sự cần thiết phải đẩy mạnh nghiên cứu về làng xã ở Nam Bộ và đặt trong sự so sánh với làng xã ở Bắc Bộ, để trên cơ sở đó, thấy được sự khác biệt, cũng như những điểm tương đồng của làng xã ở hai vùng miền. Hơn nữa, từ trước tới

nay, nhiều học giả, nhiều công trình xuất bản về làng ở Việt Nam, đều tập trung hướng về làng xã ở Bắc Bộ, trong khi đó, làng xã ở Nam Bộ chưa có nhiều nghiên cứu sâu và rộng, do vậy, tiềm năng và triển vọng về nghiên cứu làng xã vùng đất phía Nam là rất lớn.

1. Sự cần thiết phải nghiên cứu về làng xã Nam Bộ

Bên cạnh những công trình, những ghi chép và các nguồn sử liệu của các sử gia thời quân chủ, hay những nguồn tư liệu của những người ngoại quốc biên chép, nghiên cứu mà trong đó hàm chứa các nội dung phản ánh về làng xã Nam Bộ, thì cho tới nay, chúng ta cũng nhận thấy rằng, những đầu sách chuyên khảo về làng xã ở Nam Bộ tiếp cận dưới nhiều góc độ (đời sống kinh tế, tổ chức xã hội, sinh hoạt văn hóa...) và theo chuyên ngành (Lịch sử, Văn hóa, Xã hội học, Dân tộc học, Nhân học, Kinh tế học...) vẫn còn hạn chế (1).

Nếu phân chia theo dòng thời gian, chúng ta thấy, một số công trình nghiên cứu về làng xã ở Nam Bộ chỉ mới ra đời trong những năm gần đây. Trước hết, phải kể tới nhóm các công trình chuyên khảo về làng Khánh Hậu (thuộc tỉnh Long An) và làng Mỹ Thuận (thuộc tỉnh Vĩnh Long) của các học giả nước ngoài, được công bố vào những năm mà cuộc kháng chiến chống

* ThS. Viện Sử học

Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã trải qua một nửa chặng đường, đó là: Trương Ngọc Giao và Lloyd W. Woodruff (1963), *The Delta Village of My Thuan: Some Administrative and Financial Aspects* (Mỹ Thuận làng ở vùng châu thổ: Vài nét về hành chính và tài chính); John D. Donoghue (1963), *My Thuan: A Mekong Delta Village in South Vietnam* (Mỹ Thuận: Một làng ở châu thổ sông Mê Kông miền Nam Việt Nam); James B. Hendry (1964), *The Small World of Khanh Hau* (Làng Khánh Hậu - một thế giới nhỏ), Chicago; Gerald Cannon Hickey (1964), *Village in Vietnam* (Làng xã ở Việt Nam), New Haven and London, Yale University Press, mặc dù nghiên cứu này lấy tên là "Làng xã ở Việt Nam", nhưng địa bàn và đối tượng khảo cứu lại tập trung vào làng Khánh Hậu. Các công trình này là kết quả nghiên cứu của nhóm chuyên gia tư vấn thuộc Đại học Michigan Hoa Kỳ, kết hợp với Viện Quản lý Hành chính Quốc gia...

Trong thập kỷ 90 của thế kỷ XX, làng xã ở Nam Bộ cũng được một số nhà nghiên cứu trong nước quan tâm tìm hiểu, kết quả đó được cụ thể hóa bằng những công trình là sách chuyên khảo hoặc các bài công bố rời rạc trên các tạp chí chuyên ngành hoặc đăng trên kỷ yếu hội thảo, tọa đàm khoa học...

Đầu tiên phải kể tới chuyên khảo: *Làng Bến Gỗ xưa và nay* của Bảo tàng Đồng Nai, xuất bản năm 1995, lấy địa bàn nghiên cứu là xã Hòa Hưng, thuộc tỉnh Đồng Nai, công trình này giới thiệu về đời sống văn hóa, về tổ chức xã hội của làng Bến Gỗ.

Tiếp cận về làng xã Nam Bộ trong quá trình biến đổi, tác giả Lương Hồng Quang lại lấy làng xã ở vùng Tiền Giang làm địa bàn nghiên cứu, kết quả đó, đưa tới sự ra đời của công trình: *Văn hóa cộng đồng làng*

vùng đồng bằng sông Cửu Long thập kỷ 80-90 (Qua trường hợp Bình Phú-Cai Lậy-Tiền Giang), Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997. Trong đó, tác giả tập trung trình bày những chuyển biến về: kinh tế, xã hội và văn hóa.

Cuốn sách do tác giả Mạc Đường (Chủ biên), *Làng xã ở châu Á và ở Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, cũng đã tập hợp được một số nghiên cứu về làng xã ở Nam Bộ, ví như: Đỗ Hữu Nghiêm, *Quá trình hình thành làng xã tại Đồng bằng sông Cửu Long từ thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX*; Nguyễn Công Bình, *Làng xã đồng bằng sông Cửu Long: Tính cách "mở" và xu thế phát triển*.

Tiếp đến là các nghiên cứu của: Nguyễn Chí Bền, *Làng Việt Nam Bộ và văn hóa dân gian của người Việt trên đồng bằng sông Cửu Long*, trong: Trần Quốc Vượng (Chủ biên) (1996), *Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội; Trương Ngọc Tường (1998), *Làng xã cổ truyền ở Nam Bộ qua Minh điều hương ước*, Tạp chí Xưa & nay, số 58B.

Trong những năm gần đây, đã có thêm một số công trình nghiên cứu về làng xã ở Nam Bộ như: Ngô Văn Lê (2003), *Làng Việt Nam Bộ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh; Nguyễn Quang Ngọc (2006), *Cấp thôn ở Nam Bộ thế kỷ XVII-XVIII-XIX (Một cái nhìn tổng quan)*, Tạp chí Khoa học xã hội, số 10; Trần Thị Thanh Thanh (2006): *Về thôn ấp người Việt ở Nam Bộ qua tác phẩm Gia Định thành thông chí*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 10; Ngô Văn Lê: *Làng và quan hệ dòng họ của người Việt Nam Bộ*, trong Nhiều tác giả (2010): *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, Nxb. Đại

học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Ngô Văn Lệ, *Những giá trị văn hóa truyền thống làng Việt Nam Bộ*, trong: Hội Khoa học Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh (2011), *Nam Bộ đất và người*, tập VIII, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Vương Thu Hồng, *Vấn đề bảo tồn và phát triển di sản văn hóa làng Khánh Hậu-tỉnh Long An*, cũng trong: Hội Khoa học Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh, *Nam Bộ đất và người*, tập VIII, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Phan An, *Tính cộng đồng làng xã như một giá trị Việt Nam và những hệ quả của nó (Trường hợp làng xã Nam Bộ)* (2).

Năm 2016, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, đã tổ chức Tọa đàm khoa học và in thành kỷ yếu do Lê Thanh Sang và Ono Mikiko (đồng chủ biên) (2016): *Làng xã Việt Nam và Đông Nam Á trong thời kỳ hội nhập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, trong kỷ yếu này, có các tham luận viết về làng xã Nam Bộ của: Ono Mikiko: *Khi một "ngôi làng" ra đời: Đặc điểm làng xã Nam Bộ trong quá trình hình thành các khu định cư làng xã*; Phan Văn Dớp: *Tính mở của làng Việt ở Nam Bộ*.

Có thể, những nghiên cứu nêu trên chưa bao quát được toàn bộ thành tựu nghiên cứu về làng xã Nam Bộ, nhưng cũng phải khẳng định rằng, mặc dù đã có nhiều cố gắng để đóng góp vào thành tựu nghiên cứu về làng Việt Nam Bộ, nhưng số lượng các công trình chuyên khảo cũng như các bài nghiên cứu đơn lẻ mới chỉ mang tính bước đầu, mà chưa tương xứng với tiềm năng và triển vọng của vùng đất này. Nhận định của tác giả Ngô Văn Lệ cũng cho thấy thực tế đó: "các công trình đã được công bố tập trung nghiên cứu làng Việt Bắc Bộ - còn ở Nam Bộ thì chưa được chú ý" (3).

Xuất phát từ số lượng công trình chuyên khảo về làng xã ở Nam Bộ chiếm số lượng hạn chế, nên nó cũng cho thấy đội ngũ nghiên cứu hay các chuyên gia dành nhiều thời gian theo đuổi chủ đề làng xã ở khu vực này cũng còn khiêm tốn. Đối với làng xã Bắc Bộ, giới nghiên cứu đã xác lập nên những "thương hiệu" khi nghiên cứu về làng xã ở khu vực này như: GS. Từ Chi (Trần Từ), GS. Phan Đại Doãn, GS-TS Nguyễn Quang Ngọc, PGS-TS Vũ Duy Mẫn, PGS-TS Bùi Xuân Đỉnh (tiếp cận dưới góc độ Lịch sử, Dân tộc học); PGS-TS Tô Duy Hợp và PGS-TS. Bùi Quang Dũng (tiếp cận dưới góc độ Xã hội học); PGS-TS. Nguyễn Thị Phương Châm (tiếp cận dưới góc độ Văn hóa học)... cùng nhiều tên tuổi khác. Chúng tôi cho rằng, tiềm năng nghiên cứu về làng xã Nam Bộ là rất lớn, từ lực lượng nghiên cứu và đối tượng tiếp cận. Từ yêu cầu thực tiễn, chúng ta rất cần có những chuyên gia về làng xã Nam Bộ và phải được cụ thể hóa bằng những ấn phẩm khoa học.

Đặt làng xã Nam Bộ trong nền cảnh chung của thành tựu nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn trên vùng đất phương Nam, có thể thấy, đã có rất nhiều đầu sách, thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau, của nhiều học giả, nhà nghiên cứu cả trong và ngoài nước, đã làm rõ quá trình khai phá, xác lập các điểm tụ cư, nguồn gốc cư dân, đặc trưng kinh tế, xã hội, văn hóa và diện mạo sở hữu ruộng đất... và cả những chuyển biến hiện nay của vùng đất này, những kết quả nghiên cứu đó là cơ sở khoa học hỗ trợ giúp chúng ta nhận thức sâu hơn về làng xã Nam Bộ. Nhưng một yêu cầu cần thiết hơn đó là, dựa trên những thành tựu chung đó, vẫn rất cần có những chương trình, sản phẩm, những công trình khoa học cụ thể nghiên cứu về

làng xã Nam Bộ, từ đó làm dày thêm thành tựu nghiên cứu về làng xã nơi đây, đồng thời cũng là cơ sở tư liệu để chúng ta nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn về làng xã Nam Bộ - đây là một nhu cầu rất cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn.

Rõ ràng là, xét về thành tựu nghiên cứu dựa trên số lượng các công trình đã xuất bản về làng xã Nam Bộ cũng như đội ngũ các nhà khoa học mang tính chuyên gia, nghiên cứu chuyên sâu về làng xã, thì trên các phương diện này, những đóng góp cho làng xã Nam Bộ vẫn còn hạn chế so với làng xã Bắc Bộ.

2. Làng xã Nam Bộ - một bộ phận của làng xã Việt Nam

Theo tiến trình lịch sử, quá trình hình thành quốc gia, dân tộc và lãnh thổ của Việt Nam, luôn gắn liền với quá trình Nam tiến (có thể nhìn nhận thêm một chiều cạnh đó là, lịch sử Việt Nam là lịch sử Nam tiến, mở rộng lãnh thổ về phương Nam, khả năng mở rộng về phía Bắc hay phía Tây là hạn chế), mở đất, chiêu dân khai phá để lập nên các xóm làng từ Bắc vào Nam. Trong quá trình xây dựng nền độc lập tự chủ ở thế kỷ X, từ cái nôi châu thổ Bắc Bộ, dưới các triều đại Lý, Trần, Lê và Nguyễn, với ý thức quốc gia và dân tộc, người Việt đã mở rộng, lấn đất vào vùng châu thổ sông Mã, sông Lam đến vùng đồng bằng xứ Thuận-Quảng, để rồi từ những vùng đất mới này, làm tiền đề vào khai phá vùng đất phương Nam trù phú, hình thành nên những thôn ấp ở châu thổ sông Cửu Long đông vui như ngày nay.

Tịnh tiến cùng với đậm dài lịch sử về phương Nam, những nét văn hóa, lịch sử truyền thống của những cư dân người Việt ở châu thổ Bắc Bộ đã thích nghi, biến đổi và giao hòa cùng với các nét, các sắc thái văn hóa riêng của các tộc người ở những

vùng miền khác. Quá trình Nam tiến đó cũng làm nhạt đi những gì được xem là bản thể, căn cốt, cố hữu của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ để hình thành nên nét sắc thái riêng ở những không gian văn hóa, xã hội mới như miền Trung, miền Nam.

So với làng xã ở Bắc Bộ, làng ở Nam Bộ ra đời muộn hơn rất nhiều, năm 1698 được nhiều học giả lấy làm mốc đánh dấu quá trình khai phá châu thổ sông Cửu Long của người Việt, với sự kiện: "Mãi đến năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu sai Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược vùng đất Đồng Nai. Tại đây, ông tiến hành chia đất Đồng Phố, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phúc Long [...], dựng dinh phiên trấn, mỗi dinh đều đặt các chức lưu thủ [...]. Mở rộng đất đai được nghìn dặm, được hơn 4 vạn hộ, bèn chiêu mộ những người dân xiêu dạt từ Bắc Chính trở về Nam cho đến ở cho đông..." (4). Do đó mà: "Tuổi đời của làng Việt trên đồng bằng sông Cửu Long hiển nhiên là ít hơn nhiều so với tuổi đời của làng Việt trên đồng bằng sông Hồng. Làng nào tuổi cao lắm cũng chỉ mới hơn ba trăm năm (thời chúa Nguyễn Phúc Chu là cùng!)" (5).

Làng ở Nam Bộ là sản phẩm của quá trình lịch sử dân tộc, như trên đã nêu, về cấu trúc, về văn hóa và kinh tế... làng Nam Bộ mang những nét khác so với làng Bắc Bộ. Nhưng về đại thể, làng Nam Bộ cũng mang những nét chung nhất của làng xã Việt Nam, đó là: chủ thể là người nông dân, kinh tế trọng tâm là hoạt động nông nghiệp và địa bàn sinh sống, tụ cư là không gian xã hội nông thôn. Điều đó phản ánh tính đa dạng của văn hóa làng Việt Nam truyền thống - một sự đa dạng trong thống nhất: "Làng xã ở Đồng bằng sông Cửu Long là một bộ phận cấu thành trong làng xã Việt Nam, cho nên ở một phương diện nào đó, làng xã ở Đồng bằng sông Cửu Long vẫn duy trì những tập quán của làng xã truyền

thống, như: tính bán tự trị, bán tự cấp tự túc... Nhưng, càng về phương Nam thì các đặc tính này dần dần bị thay đổi để hình thành nên những đặc tính mới" (6).

Sự hiện diện của làng xã Nam Bộ đã làm cho bức tranh làng xã ở Việt Nam thêm phong phú và đa dạng, nếu phân loại theo không gian vùng miền, tạm thời, chúng ta có làng ở Bắc Bộ, sau đó tới làng ở Trung Bộ và cuối cùng là làng Nam Bộ. Tương ứng với mỗi không gian địa lý và môi trường tự nhiên, xã hội khác nhau, làng xã lại có những nét riêng. Sự tổng hoà các loại hình làng xã ở Việt Nam với những không gian đa dạng đã làm cho sắc thái nông thôn - làng xã vừa có tính đa nguyên, nhưng lại thống nhất. Góp phần vào quá trình hình thành nên bản sắc, lãnh thổ và cá tính dân tộc Việt Nam là tất cả những giá trị văn hóa và lịch sử của các tộc người trên đất nước Việt Nam nói chung, trong đó có văn hóa và những giá trị của làng xã Việt Nam nói riêng. Thực tế đó đã khẳng định và cho thấy rằng, không chỉ riêng làng xã ở Bắc Bộ, mà đó là sự tích hợp làng xã ở Trung Bộ và Nam Bộ để góp phần xây đắp nên không gian quốc gia Việt Nam ngày nay. Do vậy, dáng hình của làng xã Nam Bộ là một bộ phận không thể thiếu để cấu thành nên bức tranh hoàn chỉnh về làng xã ở Việt Nam.

3. Cần nghiên cứu so sánh làng xã Nam Bộ với làng xã Bắc Bộ

Như đã khái quát ở phần đầu, nếu xét về thành tựu nghiên cứu, làng xã ở Bắc Bộ đã được nhiều học giả quan tâm, quá trình đó đã cho ra đời nhiều công trình, với khối lượng tư liệu đồ sộ, và làng xã ở Bắc Bộ được quan tâm nghiên cứu ở nhiều khía cạnh khác nhau như: kinh tế, văn hóa, xã hội, tổ chức, thiết chế... Nhờ đó, chúng ta đã có một cái nhìn toàn diện hơn và đó

cũng là cơ sở để chúng ta hiểu và nhận thức đầy đủ hơn về làng Bắc Bộ (7).

Là một thực thể xã hội, một đối tượng nghiên cứu khá lý thú, làng ở Nam Bộ vẫn còn chưa được quan tâm nghiên cứu nhiều, thực tế đó, đặt ra cho các nhà nghiên cứu một nhiệm vụ hết sức cụ thể và thiết thực, đó là, để hiểu một cách toàn diện về làng xã ở Việt Nam, chúng ta không chỉ khái quát bằng những kết quả nghiên cứu về làng xã ở Bắc Bộ, mà những khái quát, những trình bày đó là sự phản ánh đầy đủ kết quả nghiên cứu của làng Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ. Nông dân, nông nghiệp và nông thôn Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại, không chỉ là đại diện của người nông dân châu thổ Bắc Bộ, mà trong tấm gương phản chiếu đó, có cả hình ảnh người nông dân, hình ảnh xóm làng ở Trung Bộ và Nam Bộ. Muốn đưa ra những nhận định cụ thể và toàn diện về làng xã, về nông dân, nông nghiệp và nông thôn Việt Nam cần có sự nghiên cứu đầy đủ về làng xã trên mọi vùng miền, từ Bắc vào Nam, và một nghiên cứu so sánh về diện mạo làng xã ở miền Bắc và miền Nam trên nhiều khía cạnh là hết sức cần thiết.

3.1. Về môi trường tự nhiên và không gian cư trú

Điều đầu tiên được coi là bước cần thiết trong nghiên cứu bất kỳ một làng nào, một vùng nào, ở đâu, đó là nghiên cứu và tìm hiểu về cảnh quan và môi trường tự nhiên của vùng đó, của nơi mà đối tượng chúng ta đang nghiên cứu. So sánh nội dung này, chúng ta thấy, không gian của làng Bắc Bộ và làng Nam Bộ hoàn toàn mang những nét khác nhau. Nếu xét về điều kiện khí hậu, miền Bắc là khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm có kết hợp mùa đông lạnh, trong một năm thường có bốn mùa. Trong khi đó, ở Nam Bộ cũng là khí hậu nhiệt đới

gió mùa, nóng ẩm nhưng lại mang nét đặc trưng của khí hậu cận xích đạo, một năm chỉ có hai mùa rõ rệt là mùa khô và mùa mưa, yếu tố thời tiết lạnh giá của mùa đông rất hiếm có ở phương Nam. Dựa trên yếu tố khí hậu và thời tiết, đặt trong mối quan hệ với cuộc sống ăn, ở, mặc... và sản xuất của một bộ phận cư dân nào đó, nó đều chịu sự chi phối nhất định và hệ quả tất yếu là hình thành nên sắc thái văn hóa riêng của nhóm cư dân đó. Trong điều kiện tự nhiên, chúng ta cũng cần quan tâm tới nét đặc trưng của địa hình khu vực đó, ở mỗi vùng, mỗi miền có kiểu địa hình, thổ nhưỡng và thủy văn khác nhau, với tính chất như vậy, nó đã tác động không nhỏ tới đời sống thường nhật của mọi chủ thể. Chính sự đa dạng của thiên nhiên, đã góp phần vào sự đa dạng của văn hóa tộc người. Điều này, như một tiền đề để giúp nhìn nhận, lý giải nét khác biệt cơ bản về văn hoá, về sản xuất của làng Nam Bộ so với Bắc Bộ: "Đồng bằng Nam Bộ vẫn như dưới biển trời lên với mạng lưới kênh rạch chi chít, và đồng lầy làm cho phần đất nổi có diện tích không lớn hơn bao nhiêu so với phần còn được nước bao phủ [...], còn Bắc Bộ với dãy Hoàng Liên Sơn cao chót vót nhô lên trên những mạch núi rẽ quạt và những dãy đồi chạy lúp xúp mà ra đến biển vẫn còn nổi lên thành hàng trăm hòn đảo lớn nhỏ, sắc đá như thẫm lại vì giá rét mùa đông..." (8).

Nhắc đến làng Bắc Bộ là nhắc đến một không gian khép kín, hình thành nên những điểm tụ cư co cụm, giữa đồng bằng châu thổ, chúng giống như những hình bát úp. Trong khi đó, làng Nam Bộ lại khá cởi mở với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Điều mà được coi là "đóng" ở làng Bắc Bộ lại không có ở Nam Bộ. Cư dân sống trong làng Nam Bộ, họ đã định cư rải rác trên các con sông rạch, theo các trục

quốc lộ, từ đó hình thành nên các vết kéo dài theo các con kênh, con mương, do vậy, làng ở Nam Bộ hoàn toàn không co cụm lại, mà trải dài, điều đó tạo nên một không gian mở của làng, từ điều kiện tự nhiên mang đặc trưng vùng miền, kết hợp với những mối "liên hệ" mở về hoạt động kinh tế và những "thiết chế", điều kiện xã hội, đã hình thành nên trong con người Nam Bộ một tâm lý mở, ít bị ràng buộc hơn so với cư dân làng Bắc Bộ. Nhà nghiên cứu Nguyễn Chí Bền cho rằng, làng xã Bắc Bộ là sự giải thể của công xã nông thôn mà hình thành nên làng Bắc Bộ, trong khi đó, làng Nam Bộ là do quá trình di dân, chiêu mộ dân đi khai hoang, hoặc do sự thành lập các đồn điền của chính quyền trung ương... trên cơ sở đó làm tiền đề cho sự ra đời của làng Nam Bộ. Ban đầu, khi mới vào khai khẩn ở phương Nam, họ định cư trên các giồng đất cao, sau đó mới tiến xuống các vùng trũng ngập nước. Đây cũng là sự lựa chọn tất yếu của bất kỳ tộc người nào trong quá trình mở đất. Cũng vậy, người Việt ở châu thổ Bắc Bộ, khi mới thoát khỏi hình thức tổ chức của công xã nông thôn, họ xuống khai phá đồng bằng châu thổ và chọn những ô đất cao, ít ngập nước để lập nên những xóm làng. Về đặc trưng môi trường sinh sống, khi so sánh hai loại hình làng xã Nam Bộ và Bắc Bộ, chúng ta cần làm rõ sự khác biệt giữa hai không gian, hai môi trường định cư khác nhau. Làng Nam Bộ, trong quá trình định cư không có sự phân biệt ranh giới làng này và làng kia một cách rõ ràng thông qua những biểu tượng như: lũy tre làng, cổng làng, cây đa...

Một nhận định mà chúng tôi rất tâm đắc đó là môi trường tự nhiên đã tạo nên sự khác biệt giữa hai vùng miền: "Điều gì đã dẫn đến những khác biệt giữa làng Bắc Bộ và làng Việt Nam Bộ? Trước hết, theo chúng tôi đó là sự khác biệt về điều kiện tự

nhiên (hệ sinh thái), giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long" (9).

3.2. Về hoạt động kinh tế

Trong nội dung này, chúng tôi chủ yếu xem xét trên góc độ sở hữu ruộng đất và canh tác nông nghiệp. So với làng Bắc Bộ, làng Nam Bộ thường có quy mô sở hữu ruộng đất lớn hơn làng Bắc Bộ, ở Bắc Bộ thường manh mún và mang tính chất tiểu nông. Vào đầu thế kỷ XIX, ruộng đất ở làng xã Nam Bộ cũng phân hóa rất mạnh, có ruộng công điền công thổ, có ruộng đất tư hữu và có cả ruộng phụ canh, đây là những nét phát triển chung của sở hữu ruộng đất trên quy mô cả nước, miền Bắc cũng như miền Nam.

Nghiên cứu của tác giả Trần Thị Thu Lương cho thấy, tư điền trong các làng xã Nam Bộ phát triển rất mạnh và chiếm tỷ lệ chủ yếu ở giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX: "Tư điền, tư thổ ở Nam Bộ là loại ruộng ra đời trước hết và có số lượng lớn nhất trong tổng số ruộng đất đã khai khẩn được của Nam Bộ lúc đó [...]. Thống kê qua địa bạ của 124 thôn xã thuộc 10 tổng đã chọn, chúng tôi tính được tổng số diện tích tư điền, tư thổ và tỷ lệ của nó đối với diện tích ruộng đất của từng tổng như sau: Tổng (tỉnh): Lợi Trinh (Định Tường) 17442.1 mẫu ruộng đất tư, chiếm tỷ lệ: 97,5%; Thạnh Phong (Định Tường) 3931.6 mẫu ruộng đất tư, chiếm tỷ lệ: 97,2%; Bình Trị Hạ (Gia Định) 1097.7 mẫu, chiếm 95.2 %; Hòa Lạc (Gia Định) 23402.5 mẫu, chiếm 89.1%..." (10). Như trên chúng tôi vừa dẫn chứng, tình hình sở hữu ruộng đất tư điền, tư thổ ở làng xã Nam Bộ rất phát triển, nhưng ngược lại, diện mạo ruộng đất công trong thời gian này lại giảm đi một cách khác biệt, nhiều làng tỷ lệ ruộng đất công hữu chỉ chiếm một số lượng hạn chế trong tổng diện tích: "tỉnh Định

Tường có tỷ lệ công điền công thổ chung toàn tỉnh là 2,63%, thì hai tổng Lợi Trinh huyện Kiến Đăng và Thạnh Phong huyện Kiến Hòa có tỷ lệ công điền công thổ là 1,5% và 2,7%" (11).

Dưới thời Pháp thuộc, ruộng đất của làng xã Nam Bộ cũng mang diện mạo như giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX, tác giả Trần Thị Thu Lương cho chúng ta biết thêm về sở hữu ruộng đất qua địa bạ của xã Khánh Hậu như sau: "Trong tổng số 879.2305 hecta ruộng đất của xã thì ruộng đất công (bao gồm công điền và ruộng bốn thôn) chỉ có khoảng 25 hecta, chiếm một tỷ lệ nhỏ bé 3%, so với ruộng đất tư 854 hecta chiếm 97%" (12).

Bức tranh sở hữu ruộng đất làng xã ở Nam Bộ thiên về tư hữu mà công hữu lại chiếm tỷ lệ rất nhỏ như vừa nêu trên, hay nó không chịu ràng buộc bởi chế độ công điền, công thổ như làng xã Bắc Bộ, nguyên do của vấn đề xuất phát từ lịch sử khai phá vùng đất này, đó là: "Quá trình khai hoang lập làng [...], theo cách "*Dân làng mở đất trước, nhà nước đến cai trị sau*". Do vậy, ruộng đất khẩn hoang của người nào hoặc của nhiều người được phép trở thành sở hữu riêng của người hoặc của nhiều người (đồng sở hữu chủ). Tình hình này diễn ra trong một khoảng thời gian dài, từ thế kỷ XVII-XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX. Như vậy, có thể thấy, sự hình thành các làng Việt ở Nam Bộ hầu như tách rời và không phụ thuộc vào chế độ ruộng đất công. Sự hình thành các làng Việt Nam Bộ gắn liền với sự phát triển của quá trình tư hữu hóa ruộng đất" (13).

Không giống như làng Bắc Bộ, ruộng đất được quản lý rất chặt chẽ, nhà nước và chính quyền làng xã trực tiếp đo đạc ruộng đất sau đó đồng quân phân cho nhân dân trong xã thôn, trên cơ sở đó, dân làng thực

hiện nghĩa vụ nộp tô thuế cho nhà nước, đây cũng là cơ sở để nhận xét rằng, làng Bắc Bộ chặt và khép kín hơn làng Nam Bộ. Trong khi đó, làng Nam Bộ, việc quản lý hay quan hệ sở hữu ruộng đất lại có phần thoáng hơn, thực tế này đã tạo điều kiện để ruộng đất phụ canh phát triển mạnh hơn làng Bắc Bộ, khi nghiên cứu về ruộng đất phụ canh của 7 thôn thuộc tổng An Thạch, huyện Vĩnh An, phủ Tân An, tỉnh An Giang, tác giả Trần Thị Thu Lương cho biết thêm: "Số lượng người phụ canh của 7 thôn là 94 chủ, sở hữu 1269.9 ruộng đất, chiếm 17,8% số lượng chủ (94/552) và 19,8% diện tích ruộng đất, chiếm 32%; người từ ngoài tổng vào phụ canh là 64 chủ, chiếm 68%" (14).

Cũng thời điểm này, thông qua địa bạ Gia Long và Minh Mệnh, cho thấy diện mạo ruộng đất tư hữu ở làng Bắc Bộ cũng phát triển mạnh, nhưng về quy mô sở hữu thì hạn chế và nhỏ hơn ở làng Nam Bộ. Đặc biệt, bộ phận chức dịch trong một số làng - những người thuộc bộ máy quản lý làng xã lại nắm trong tay rất ít ruộng đất, tác giả Nguyễn Đức Nghinh, sau khi nghiên cứu về sở hữu ruộng đất của các chức dịch thuộc huyện Từ Liêm, với số lượng 63 sắc mục, 65 xã trưởng, 43 khán thủ và 83 thôn trưởng, tổng cộng là 254 người cho thấy: "Điều đáng chú ý nhất và cũng ít lường tới nhất là không phải bất cứ chức dịch nào trong bộ máy chính quyền, những kẻ có vai vế trong làng xã đều có ruộng tư cả. 1/3 số chức dịch nêu ra (84 trên tổng số 254 người) là những người không có ruộng đất tư hữu" (15).

Nhìn chung, về tình hình sở hữu ruộng đất của làng Bắc Bộ và Nam Bộ, đều tồn tại nhiều hình thức sở hữu, nhưng về quy mô sở hữu rất khác nhau, miền Bắc có quy mô nhỏ hơn miền Nam, do vậy, nguyên nhân dẫn đến quy mô sở hữu đó cũng khác nhau.

Bên cạnh sở hữu ruộng đất là nội dung cốt yếu trong sản xuất nông nghiệp của cư dân làng xã thuộc hai vùng, thì hoạt động kinh tế trong làng còn có tiểu thủ công nghiệp và thương nghiệp - buôn bán nhỏ. Đặc biệt, với làng xã Bắc Bộ lại nằm trong cái nôi hội tụ nhiều ngành nghề tiểu thủ công nghiệp nhất cả nước, thì rõ ràng, giữa nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp cũng có những liên hệ và tác động qua lại nhất định, cũng từ đây sẽ chi phối đến tư duy, nếp nghĩ của cư dân làng xã Bắc Bộ. Mạng lưới chợ làng ở Bắc Bộ và đặc biệt là những làng buôn mà chủ thể là những người nông dân, thì đã có những nghiên cứu và lý giải thỏa đáng (16). Nhưng cần nhấn mạnh là, làng nghề thủ công truyền thống ở Nam Bộ, những hoạt động buôn bán trên bến dưới thuyền, gắn với một tư duy mở, năng động của người dân Nam Bộ, với một bên là quy mô sản xuất nông nghiệp quảng đại, mang tính hàng hóa và đặc biệt là xem xét mối quan hệ giữa ba trụ cột kinh tế nông-công-thương trong làng xã Nam Bộ là rất cần tìm hiểu sâu. Trong nghiên cứu của mình, tác giả Trương Ngọc Tường cho biết thêm, ở Nam Bộ thời xưa, cũng có những làng chuyên đi buôn bán, mà không làm nông nghiệp: "Trong khi xã Tân Lộc (vùng bến xe Chợ Lớn), lại ít hơn, khoảng 7 mẫu. Còn các thôn ở vùng Hóc Môn, Củ Chi, Cần Giuộc thì lại quá rộng. Riêng Tân Lộc là một xã rất giàu. *Dân xã này không làm nghề nông mà làm và bán với ăn trầu* (Đ-D-H nhấn mạnh), một mặt hàng thiết yếu thời bấy giờ (nay còn tên đường Xóm Vôi)" (17). Ca dao xưa của người Nam Bộ cho biết:

Đạo nào vui bằng đạo đi buôn,

Xuống biển lên nguồn, gạo chợ nước sông.

3.3. Về tổ chức xã hội

Nếu xét về nguồn gốc cư dân-những chủ nhân đích thực của các đơn vị làng xã giữa hai vùng miền, chúng ta thấy có sự khác biệt rõ ràng, đối với làng xã Bắc Bộ, nguồn gốc cư dân-nguồn gốc tộc người khá thuần nhất, còn với dân cư trong làng xã Nam Bộ lại được biểu hiện ở chiều cạnh khác: "ở đồng bằng sông Hồng, về cơ bản chỉ có người Việt cư trú [...]. Còn ở đồng bằng sông Cửu Long người Việt, người Khmer, người Hoa, người Chăm đều là những tộc người di cư từ nơi khác đến. Trong quá trình khai hoang lập làng họ cùng cộng cư tại các làng" (18).

So với làng Bắc Bộ, làng Nam Bộ có kết cấu lỏng lẻo hơn, chính vì thế, có nhà nghiên cứu đã khái quát làng Bắc Bộ là "đa nguyên" và "chặt" để phản ánh cơ cấu tổ chức xã hội của làng Bắc Bộ. Các tổ chức phường hội nghề nghiệp, dòng họ, và các tổ chức phi quan phương như: giáp, phe, hội tư văn, hội phụ lão, hội vãi già... thường không thấy tồn tại trong làng Nam Bộ, trong khi đó ở Bắc Bộ lại rất đậm đặc. Một ví dụ khác, làng Bắc Bộ do ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo rất mạnh, nên trong làng có hội tư văn, cũng từ đây, tầng lớp "kẻ sĩ hay người biết đọc chữ Nho, được học hành", rất được coi trọng trong đời sống làng xã, thậm chí chi phối đời sống làng xã, ví như việc soạn thảo hương ước của làng Bắc Bộ phải là những người thuộc tầng lớp tinh tú của làng, biết đọc biết viết, hoặc tiêu chí bầu chọn lý trưởng, xã trưởng, đều phải biết đọc biết viết. Cũng bởi sự chi phối bởi tư tưởng Nho giáo, nên quan niệm về kết cấu xã hội ở trong làng, người ta đề cao vai trò của kẻ sĩ và xếp họ ở thứ bậc đầu tiên theo cơ cấu xã hội: Sĩ - nông - công - thương. Đối với cư dân Nam Bộ, ảnh hưởng của Nho giáo đã bị phai nhạt, nên kết cấu xã hội theo kiểu sĩ - nông - công - thương

không hẳn sâu. Về không gian làng ở Bắc Bộ, được phân chia thành các xóm ngõ, nhưng khác với làng xã Nam Bộ, khái niệm xóm, ngõ dường như không tồn tại, cũng bởi làng xã Nam Bộ tập trung dọc theo các triền sông, nên tổ chức không gian theo kiểu xóm ngõ đã không phù hợp.

Một nét khác biệt nữa về tổ chức xã hội của làng xã Nam Bộ, đó là quan hệ dòng họ khá mờ nhạt, do xuất phát từ nguồn gốc cư dân khác nhau, lịch sử định cư chưa lâu, nên yếu tố dòng họ tính cố kết không mạnh như làng Bắc Bộ. Hơn nữa, người nông dân Nam Bộ sống hay di chuyển do nhu cầu khai phá đất đai, nên khả năng lập nghiệp cố định tại một làng rất ít, do vậy, quan hệ dòng họ đã bị chi phối bởi điều kiện mở đất. Từ chỗ quan hệ huyết thống lỏng lẻo, không có sợi dây kết nối và níu kéo giữa các thành viên trong gia tộc, điều đó một phần đã tạo nên tính cách mở trong tâm lý người dân và văn hóa Nam Bộ. Nếu lấy quan hệ dòng họ của người Việt ở Bắc Bộ so sánh với người Việt ở Nam Bộ, thì chúng ta sẽ thấy ở Bắc Bộ, mức độ kết dính và sự níu kéo hay trách nhiệm của các thành viên trong gia tộc với dòng họ mình rất lớn, chính vì điều đó mà nhiều dòng họ ở châu thổ Bắc Bộ đã lập nên tộc ước riêng để răn dạy con cháu. Nhà nghiên cứu Nguyễn Chí Bền đã nhận xét về tổ chức xã hội ở làng xã Nam Bộ như sau: "các tổ chức tương đối ẩn tàng, như *giáp*, *họ*, *phe* mà ta thường gặp ở nông thôn Bắc Bộ, lại không có mặt, hay gần như thế, trong cơ cấu tổ chức của làng Việt Nam Bộ [...], sự tập hợp người theo huyết thống trong làng quê Nam Bộ lại không có tính cố kết chặt chẽ, như ta thấy trên đồng bằng sông Hồng [...], trong các làng Việt Nam Bộ, cũng hình thái thờ phụng ấy lại chủ yếu là hoạt động của từng gia đình nhỏ" (19).

4. Nhận xét

Làng xã ở Bắc Bộ và làng xã Nam Bộ ra đời trong hoàn cảnh lịch sử khác nhau và không gian, môi trường tự nhiên cũng khác nhau. Cho đến nay, một thực tế dễ nhận thấy là, làng ở Nam Bộ hình thành muộn hơn rất nhiều so với làng Bắc Bộ. Về thành tựu nghiên cứu, làng xã ở Bắc Bộ đã được nghiên cứu từ rất sớm và đã được nhiều học giả trong và ngoài nước chú ý tới, điều đó hiển nhiên dẫn đến thành tựu đạt được cũng lớn hơn. Dựa trên hoàn cảnh lịch sử và không gian sinh tồn khác nhau, nên làng xã ở hai vùng đã mang những sắc thái riêng trên các phương diện

như: quá trình hình thành, nguồn gốc dân cư, cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh tế, quy mô và không gian làng xã,... Thực tế đó, đặt ra một nhiệm vụ là: Cần đẩy mạnh và quan tâm nhiều hơn nữa đối với việc nghiên cứu làng xã ở vùng đồng bằng Nam Bộ. Kết quả nghiên cứu đó, làm cơ sở giúp chúng ta so sánh với làng xã Bắc Bộ, đồng thời cũng là góp phần nhận diện thêm lịch sử hình thành vùng đất Nam Bộ. Hơn nữa, thành tựu đó sẽ bổ khuyết và hoàn thiện hơn trong nhận thức của chúng ta về làng xã Nam Bộ nói riêng và làng xã ở Việt Nam nói chung.

CHÚ THÍCH

(1). Khi bàn về lịch sử nghiên cứu và phương pháp tiếp cận vùng đất Nam Bộ trong lịch sử, Giáo sư Nguyễn Quang Ngọc đã nêu lên 20 nhiệm vụ hay chủ đề cần được nghiên cứu khi tìm hiểu về vùng đất này, thì trong đó có 2 nội dung đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu về làng xã Nam Bộ hay liên quan tới làng xã Nam Bộ, đó là: - *Nghiên cứu những làng đầu tiên của người Việt trên đất Mô Xoài và Đồng Nai*; - *Những đặc điểm chủ yếu của làng xã và cư dân Nam Bộ giai đoạn từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX*, xem Nguyễn Quang Ngọc, *Qua triển khai nghiên cứu Hà Tiên, suy nghĩ về cách tiếp cận lịch sử khai phá và xác lập chủ quyền của Việt Nam ở Nam Bộ*, trong: Đề án Khoa học xã hội cấp Nhà nước: *Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ (Kỷ yếu Hội thảo khoa học lần thứ nhất)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008, tr. 78-79.

(2). Theo: <http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-nam-bo/2772>, ngày 29 tháng 7 năm 2015.

(3). Ngô Văn Lệ: *Những giá trị văn hóa truyền thống làng Việt Nam Bộ*, in trong: *Hội Khoa học Lịch*

sử Thành phố Hồ Chí Minh: *Nam Bộ đất và người*, tập VIII, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr. 243.

(4). Nguyễn Quang Ngọc: *Cấp thôn ở Nam Bộ thế kỷ XVII-XVIII-XIX (Một cái nhìn tổng quan)*, Tạp chí *Khoa học xã hội*, số 10-2006, tr. 52.

(5). Nguyễn Chí Bền: *Làng Việt Nam Bộ và văn hóa dân gian của người Việt trên đồng bằng sông Cửu Long*, in trong: Trần Quốc Vượng (Chủ biên): *Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 481.

(6). Xem thêm Trần Kiều Quang: *Tìm hiểu về tính cách mở - một đặc điểm của làng xã ở Đồng bằng sông Cửu Long*, trong <http://baocantho.com.vn/?mod=detnews&catid=302&p=&id=53601> (ngày 20/03/2010).

(7). Có thể nêu lên một số công trình đại diện cho thành tựu nghiên cứu về làng xã Bắc Bộ như sau: Trần Từ (1984), *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*; Nguyễn Quang Ngọc (1993), *Về một số làng buôn ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVIII-XIX*, *Hội Sử học Việt Nam*, Hà Nội; Nguyễn Hải Kế

(1996), *Một làng Việt cổ truyền ở đồng bằng Bắc Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội; Tô Duy Hợp (Chủ biên, 1997), *Ninh Hiệp truyền thống và phát triển*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội; Bùi Xuân Đính (1998), *Hương ước và quản lý làng xã*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội; Vũ Duy Mẫn (Chủ biên, 2001), *Hương ước làng xã Bắc Bộ Việt Nam với luật làng Kan To Nhật Bản (Thế kỷ XVII-XIX)*, Viện Sử học - Nxb. Văn hóa, Hà Nội; Phan Đại Doãn (2001), *Làng xã Việt Nam một số vấn đề kinh tế - văn hóa - xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Tô Duy Hợp (2000), *Sự biến đổi của làng - xã Việt Nam ngày nay ở đồng bằng sông Hồng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội; Tô Duy Hợp (Chủ biên) (2003), *Định hướng phát triển làng - xã đồng bằng sông Hồng ngày nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội,...

(8). Lê Bá Thảo: *Thiên nhiên Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2003, tr. 20.

(9). Ngô Văn Lệ: *Những giá trị văn hóa truyền thống làng Việt Nam Bộ*, in trong: Hội Khoa học Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh: *Nam Bộ đất và người*, tập VIII, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr. 254.

(10), (11). Trần Thị Thu Lương: *Chế độ sở hữu và canh tác ruộng đất ở Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XIX*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr. 64-65, 179.

(12). Trần Thị Thu Lương: *Bước đầu tìm hiểu tình hình sở hữu ruộng đất ở nông thôn Nam Bộ thời thuộc Pháp qua địa bạ*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2004, tr. 123.

(13). Ngô Văn Lệ: *Những giá trị văn hóa truyền thống làng Việt Nam Bộ*, in trong: Hội Khoa học Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh: *Nam Bộ đất và người*, tập VIII, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr. 246.

(14). Trần Thị Thu Lương: *Chế độ sở hữu và canh tác ruộng đất ở Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XIX*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr. 170.

(15). Nguyễn Đức Nghinh: *Về tài sản ruộng đất của một số chức dịch trong làng xã thuộc huyện Từ Liêm vào cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 165-1975, tr. 51.

(16). Xem thêm Nguyễn Quang Ngọc: *Về một số làng buôn ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVIII-XIX*, Hội Sử học Việt Nam, Hà Nội, 1993.

(17). Trương Ngọc Tường: *Làng xã cổ truyền ở Nam Bộ qua Minh điều hương ước*, Tạp chí Xưa & nay, số 58B-1998, tr. 25.

(18). Ngô Văn Lệ: *Những giá trị văn hóa truyền thống làng Việt Nam Bộ*, in trong: Hội Khoa học Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh: *Nam Bộ đất và người*, tập VIII, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr. 254.

(19). Nguyễn Chí Bền: *Làng Việt Nam Bộ và văn hóa dân gian của người Việt trên đồng bằng sông Cửu Long*, in trong: Trần Quốc Vượng (Chủ biên): *Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 486.